TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 03-03-2022
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lý

Ông Võ Thành Trung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-DS ngày 01/10/2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Phùng Thị Xuân L1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Nhơn Xuyên, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 27/9/2021).

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: Ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà L1 có mặt; Bị đơn Lê Văn M vắng mặt không có lý do; Nguyễn Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phùng Thị L trình bày:

Ngày 24/6/2021, vợ chồng ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị N có vay bà L số tiền 700.000.000 đồng nhằm mục đích cho bà Phạm Thị Thanh vay lại, đáo hạn ngân hàng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng mượn tiền, không có thỏa thuận về mức lãi suất nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả tiền là ngày 04/7/2021. Khi đến thời hạn trả tiền vay trên, ông M và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với lý do gia đình đang gặp hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền để trả cho bà L. Vào ngày 20/7/2021, hai bên đã tiến hành lập văn bản thỏa thuận về việc trả nợ với nội dung ông M thương lượng đưa lại cho bà L một giấy hợp đồng mua bán phương tiện thủy nội địa là 01 chiếc ghe sắt để làm tin, hẹn lại 01 tháng sẽ trả trước số tiền 600.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại 100.000.000 đồng, hẹn đến khi phiên tòa do ông M kiện bà Phạm Thị Thanh xét xử xong thì sẽ trả. Nếu sau 01 tháng mà ông M không có tiền để trả thì ông sẽ bán ghe để lấy tiền trả nợ cho bà L. Tuy nhiên khi hết thời gian 01 tháng kể từ ngày 20/7/2021 như ông M đã hẹn thì ông M không thực hiện việc trả tiền mà cũng không tiến hành bán ghe để trả nợ, mặc dù bà L đã yêu cầu ông M trả tiền nhiều lần.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình hòa giải, bà L khởi kiện yêu cầu ông M và bà N có trách N liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 04/7/2021 cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất 1.67%/tháng. Tại phiên tòa bà L1 đại diện cho bà L thay đổi yêu cầu tính lãi. Yêu cầu ông M, bà N trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật.

Bị đơn – ông Lê Văn M vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2021:

Ông M thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần, ngày 14/6/2021, ông có ký nhận nợ của bà L 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Ông M vay tiền cho ông Nguyễn Văn Xồi và bà Phạm Thị Thanh vay lại để lấy tiền lãi chênh lệch. Ông vay của bà L với mức lãi suất 2.500đồng/triệu/ngày và cho ông Xồi và bà Thanh vay lại với mức lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày, việc này bà L biết rõ. Từ ngày 14/6/2021 cho đến ngày 24/6/2021, ông M đã trả cho bà L 17.500.000đồng tiền lãi. Đến ngày 24/6/2021, ông có ký lại giấy nợ 700.000.000đồng, hẹn 10 ngày trả nhưng do vợ chồng bà Thanh và ông Xồi đã bể nợ nên ông không đòi lại được tiền. Ông thừa nhận còn nợ bà L số tiền 700.000.000 đồng. Số tiền ông M vay của bà L, bà N không biết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, bà N có ý kiến như sau:

Bà N và ông M đã L thân từ năm 2017 đến nay, hai bên không có liên lạc với nhau, ông M không ở nhà cùng bà, việc vay tiền của ông M bà không biết, bà cũng không sử dụng số tiền này nên bà không đồng ý liên đới cùng ông M để trả nợ cho bà L.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa đối với ông Lê Thanh Hóa, trưởng ấp Vàm Lớn, xã Thuận Nghĩa Hòa xác nhận ông Lê Văn M làm cò lúa, môi giới đất, môi giới vay tiền ngân hàng để hưởng chênh lệch. Ông M và bà N đã sống L thân khoảng 5 năm nay. Ông M không sinh sống tại nhà ở ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa mà sống ở nhà em của ông M ở ấp Vườn Xoài, xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn nợ ngày 24/6/2021, Giấy thỏa thuận trả nợ ngày 20/7/2021; Hợp đồng mua bán phương tiện thủy, nội địa (Bản phô tô)

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai đối với ông Lê Văn M, bà N; biên bản xác minh về quan hệ hôn nhân của ông M và bà N.

Nội dung các đương sự thống nhất: Biên nhận nợ ngày 24/6/2021; Giấy thỏa thuận trả nợ ngày 20/7/2021; Ông M còn nợ bà L số tiền 700.000.000đồng theo giấy mượn nợ ngày 24/6/2021, ngày trả 04/7/2021.

Nội dung các đương sự không thống nhất:

Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị N liên đới trả 700.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông M đồng ý trả tiền cho nguyên đơn khi nào lấy lại được tiền đã cho ông Xồi và bà Thanh vay lại.

Bị đơn bà N không đồng ý liên đới cùng ông M trả tiền cho bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Các đương sự, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông M trả 700.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Lê Văn M trả nợ cho bà Phùng Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay với bị đơn, các đương sự đều cư trú tại huyện Thạnh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Phùng Thị L và bị đơn Lê Văn M đều thống nhất, ông M có vay của bà L số tiền 700.000.000 đồng, vay ngày 24/6/2021, hẹn đến ngày 04/7/2021 sẽ trả nhưng ông M không thực hiện như cam kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị L yêu cầu trả 700.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Việc, ông M cho rằng số tiền này ông đã cho ông Xồi và bà Thanh vay lại, khi nào ông Xồi và bà Thanh trả lại cho ông thì ông sẽ trả lại cho bà L là không có căn cứ chấp nhận, ông M có quyền khởi kiện ông Xồi và bà Thanh bằng vụ án khác nếu có căn cứ cho rằng quyền lợi của ông bị xâm phạm. Bà Phùng Thị L yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông M bán ghe để trả nợ, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên không được xem xét.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Các bên thống nhất, ông M vay của Bà L 700.000.000 đồng vào ngày 24/6/2021, hẹn 4/7/2021 trả, không ghi lãi suất. Ông M cho rằng đã trả cho bà L số tiền 17.500.000 đồng tiền lãi nhưng bà L không thừa nhận. Ông M cũng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi cho bà L nên không có cơ sở xem xét. Như vậy, hợp đồng vay giữa bà Phùng Thị L và ông Lê Văn M là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Nay bà L yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Theo đó, mức lãi suất được chấp nhận là 0,83%/tháng, như vậy, số tiền lãi mà ông M phải trả cho bà L tính từ ngày 04/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm: 07 tháng 29 ngày x 0,83%/tháng x 700.000.000đồng = 46.286.000đồng.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà N liên đới trả nợ vay: Xét thấy, mặc dù đây là khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông M và bà N nhưng khi vay chỉ có ông M ký tên, bà N không biết. Vợ chồng ông M và bà N đã sống L thân từ năm 2017. Ông M không sống cùng bà N, không có cơ sở xác định bà N có sử dụng số tiền này. Đây không thuộc trường hợp vay mượn nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, không có căn cứ để buộc bà N liên đới cùng ông M trả nợ tiền vay cho bà L.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Phùng Thị L không phải chịu án phí .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Lê Văn M phải trả cho bà Phùng Thị L số tiền gốc là 700.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 46.286.000đồng. Tổng

cộng gốc và lãi là 746.286.000đồng (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn).

Trong trường hợp người phải thi hành án chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N cùng với ông Lê Văn M liên đới trả nợ cho bà Phùng Thị L.

3. Về án phí: Buộc ông Lê Văn M phải nộp số tiền 33.851.440 đồng (Ba mươi ba triệu, tám trăm năm mươi mốt ngàn, bốn trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Bà Phùng Thị L không phải nộp án phí. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) tại lai thu số 0010752 ngày 01/10/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Thạnh Hóa, Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC.THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thúy Lành